TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19 /2025/DSST Ngày: 17/01/2025 "V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Hoàng Nam
2.Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa:Bà Phan Thị Bích Vân**,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2024/TLST-DS ngày 18/9/2024 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/QĐXXST-DS ngày 31/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị C, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

Bị đơn: Chị Võ Thị Huỳnh N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị C trình bày yêu cầu như sau:

Vào ngày 09/8/2022 tôi mở dây hụi, loại hụi tháng gồm 20 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, bà N tham gia góp hụi với tôi 02 phần, đến ngày 09/4/2024 mãn hụi, phần thứ nhất bà N hốt kỳ thứ 06, sau đó bà N đóng hụi chết được 09 kỳ, nợ 05 kỳ là 5.000.000 đồng. Phần thứ hai hốt kỳ thứ 09, đóng lại được 06 kỳ còn nợ 05 kỳ là 5.000.000 đồng, tổng cộng hai phần hụi là 10.000.000 đồng.

Vào ngày 15/8/2022 tôi mở dây hụi, loại hụi tháng gồm 17 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà N tham gia góp hụi với tôi 02 phần, đến 15/11/2023 mãn hụi, phần thứ nhất bà N hốt kỳ thứ 03 được 26.800.000 đồng, sau đó bà N đóng hụi chết được 13 kỳ, nợ 01 kỳ là 2.000.000 đồng. Phần thứ hai hốt kỳ thứ 06, đóng lại được 10 kỳ còn nợ

01 kỳ là 2.000.000 đồng, tổng cộng hai phần hụi là 4.000.000 đồng.

Vào ngày 29/9/2022 tôi mở dây hụi, loại hụi tháng gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà N tham gia góp hụi với tôi 02 phần, đến 29/5/2024 mãn hụi, phần thứ nhất bà N hốt kỳ thứ 06, sau đó bà N đóng hụi chết được 08 kỳ, nợ 06 kỳ là 12.000.000 đồng. Phần thứ hai hốt kỳ thứ 10, đóng lại được 04 kỳ còn nợ 06 kỳ là 12.000.000 đồng, tổng cộng hai phần hụi là 24.000.000 đồng.

Theo các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Huỳnh N trình bày như sau:

Tôi thừa nhận có góp hụi với bà C theo bà C trình bày, phần hụi còn lại tôi chưa đóng cụ thể là 04 kỳ của 02 phần hụi ngày 09/8/2022 là 8.000.000 đồng, 02 kỳ của 02 phần hụi ngày 15/8/2022 là 4.000.000 đồng, 06 kỳ của 02 phần hụi ngày 29/9/2022 là 24.000.000 đồng. Tổng cộng là 36.000.000 đồng. Do trong quá trình góp hụi bà C cùng những người khác đến nhà tôi hăm doạ đủ điều gây khó khăn cho việc làm ăn kinh tế của tôi, vì vậy tôi không có tiền đóng hụi cho bà C, tôi không có nợ tiền hụi bà C nên không đồng ý trả.

Tại phiên toà hôm nay bà C1 yêu cầu bà N phải tổng cộng tiền hụi chết của 03 dây hụi gồm 06 phần hụi là 38.000.000 đồng. Phía bà N cho rằng có góp hụi 06 phần hụi gồm ba dây hụi nhưng khi kêu hốt hụi thì bà C không cho hốt nên bà không có nợ hụi chết của bà C và không đồng ý trả theo yêu cầu của bà C.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai tại Tòa án cũng như lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 13 và Điều 471 Bộ luật Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C, buộc bà Võ Thị Huỳnh N phải trả bà Võ Thị C số tiền hụi còn nợ là 36.000.000 đồng. Về án phí đề nghị căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà C phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận, buộc bà N phải chịu án phí trên số tiền phải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn và nơi thực hiện giao dịch dân sự tranh chấp trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện cuả bà C yêu cầu bà N phải trả số tiền hụi còn nợ, nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của bà C yêu cầu bà N phải trả số tiền hụi chết còn nợ thì thấy rằng theo lời khai của bà C và bà N, bà C làm thảo hụi, bà N có tham gia góp hụi, tại bản tự khai và tại phiên hoà giải bà N thừa nhận có hốt hụi và còn 38.000.000 đồng tiền hụi chết chưa đóng đầy đủ chứ bà không nợ, lý do bà không đóng đầy đủ là do bà C cùng nhiều người đến đòi nợ gây khó khăn cho việc làm ăn của bà, nên bà không có tiền đóng hụi chết cho bà C, tại phiên toà hôm nay bà N trình bày có tham gia góp hụi, kêu hốt hụi nhưng bà C không cho hốt nên bà không đóng nữa, không có nợ hụi chết, không chấp nhận trả tiền hụi chết theo yêu cầu của bà C.

Xét việc bà C làm thảo hụi, bà N là hụi viên, hai bên thống nhất góp hụi với nhau đó là sự tự nguyện, được pháp luật cho phép, tuy nhiên quá trình góp hụi và sau khi bà N hốt hụi, bà N không đóng hụi chết đầy đủ cho bà C đến nay thì các dây hụi đã mãn, bà N cũng không tiếp tục đóng phần hụi chết còn lại cho bà C. Vì vậy bà C khởi kiện yêu cầu bà N phải tiếp tục trả số tiền hụi chết còn lại cho bà C là có căn cứ chấp nhận.

Xét về số tiền bà C yêu cầu bà N phải trả 38.000.000 đồng, thấy rằng sau khi mãn hụi giữa hai bên không chốt sổ hụi, bà N không ký nợ hụi 38.000.000 đồng mà trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bà C yêu cầu bà N phải trả tổng cộng 03 dây hụi chết với số tiền là 38.000.000 đồng. Phía bà N thừa nhận tại phiên hoà giải số tiền hụi chết chưa đóng của 03 dây là 38.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả. Tại phiên đối chất bà N thay đổi lời khai chỉ thừa nhận hụi chết chưa đóng là 36.000.000 đồng, không có nợ hụi chết bà C 38.000.000 đồng. Phía bà C không chứng minh được bà N nợ 38.000.000 đồng. Xét lời khai của bà N có nhiều mâu thuẫn trong quá trình giải quyết vụ án, lúc khai có góp hụi, có hốt hụi và đóng hụi chết chưa đầy đủ, lúc khai có nợ, lúc khai không nợ, lời khai này của bà N không thống nhất nhau, điều đó chứng minh rằng bà N cố tình khai quanh co nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả số tiền hụi chết còn lại cho bà C nên Hội đồng xét xử xác định rằng số tiền hụi chết bà N thừa nhận còn nợ bà C tại phiên đối chất là 36.000.000 đồng nên buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà C là 36.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Buộc bà C phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận. Buộc bà N phải chịu án phí trên số tiền phải trả..

[4] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên như nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các Điều 35; 39; 147; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C.

Buộc bà Võ Thị Huỳnh N phải trả bà Võ Thị C số tiền hụi còn nợ là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

- Buộc bà Võ Thị Huỳnh N phải chịu 1.800.000 đồng án phí.

- Buộc bà Võ Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011322 ngày 16/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Bà Võ Thị C được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000 đồng theo biên lai số 0011321 và 400.000 đồng theo biên lai số 0011325 cùng ngày 16/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh